

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-3-2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

- Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thu Hà**

Ông Phạm Quang Nghĩa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Hạ** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29/3/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị T**, sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

ĐKTT: ấp 5, xã G, huyện Đ, tỉnh ĐN.

Chỗ ở: 159 Huỳnh Dân Sanh, khu phố 5A, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* Anh **Trần Thành H**, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

ĐKTT: Ấp Bìn, xã X, huyện L, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện chị và anh Trần Thành H chung sống với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên nhậu say xỉn, đánh đập xúc phạm chị. Hiện nay chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 07 năm 2019 đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thành H.

Về con chung: chị và anh H có 02 con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 25/5/2010 và cháu Trần Minh A, sinh ngày 07/02/2016. Khi ly hôn chị giao 02 con chung cho anh Trần Thành H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Thành H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt, do đó không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm biên bản lấy lời khai đương sự, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, biên bản xác minh nơi cư trú đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy: chị T trình bày cuộc sống chung vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh H thường đi nhậu về đánh đập, chửi bới chị và gia đình chị dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Từ khi không còn sống chung anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị T không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án đã triệu tập anh H nhiều lần để làm việc, hòa giải nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh H không muốn về đoàn tụ vợ chồng. Qua biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh H tại địa phương không rõ vì không báo để tiến hành hòa giải, chỉ biết hiện nay anh chị không còn chung sống với nhau. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: chị T và anh H có 02 con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 05/5/2010 và cháu Trần Minh A, sinh ngày 07/02/2016. Khi ly hôn chị T đồng ý giao 02 con chung cháu Huy và cháu Hoàng cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Huy có nguyện vọng được sống với anh H, đồng thời từ nhỏ đến nay cháu Huy và cháu Hoàng đều sống với anh H. Đối với bị đơn anh H vắng mặt nên không có lời khai về con chung, tuy nhiên thời gian qua anh H chăm sóc con đảm bảo. Do đó giao 02 con chung cháu Huy và cháu Hoàng cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp tại quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và nguyện vọng của con chung.

Chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, anh H không có lời khai về phần cấp dưỡng nuôi con nên Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Về tài sản chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh H vắng mặt không có lời khai về tài sản chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh H vắng mặt không có lời khai về nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Phan Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Thành H, do đó xác định chị T là nguyên đơn, anh H là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Phan Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Thành H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên xét xử vắng mặt chị T và anh H tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị T và anh Trần Thành H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T nhận thấy: Chị T cho rằng cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên nhậu say xỉn, đánh đập xúc phạm chị. Hiện nay chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 07 năm 2019 đến nay. Xét thấy, thời gian ly thân của anh chị đã lâu, bản thân anh chị không hòa giải để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần để làm việc, hòa giải nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh H không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của ban áp Bình Tân, xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai được biết hiện nay anh H đang sinh sống tại địa phương, mâu thuẫn của chị T và anh H thì Ban áp không nắm rõ vì không trình báo mâu thuẫn để ban áp hòa giải. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 05/5/2010 và cháu Trần Minh A, sinh ngày 07/02/2016. Khi ly hôn chị tự nguyện giao 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H vắng mặt nên không có lời khai. Xét thấy 02 con chung đang sống với anh H, việc chăm sóc con chung của anh H đảm bảo. Ngoài ra cháu Huy có nguyện vọng được sống với anh H. Do đó giao 02 con chung cháu Huy và cháu Hoàng cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp tại quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và nguyện vọng của con chung.

Chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, anh H vắng mặt không có lời khai về cấp dưỡng nuôi con, do đó tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh H không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bị đơn vắng mặt, không cung cấp lời khai cũng như ý kiến đề xác định anh chị có tài sản chung, nợ chung không, nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét nhận định của Kiểm sát viên: Phù hợp, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Tuyên xử:

1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trần Thành H

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 15/2011, quyển số 01 ngày 11/02/2011 do Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 25/5/2010 và cháu Trần Minh A, sinh ngày 07/02/2016 cho anh Trần Thành H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Phan Thị T được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Trần Thành H

Khi cần thiết, chị Phan Thị T và anh Trần Thành H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Trần Thành H không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thảm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006768 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Chị Phan Thị T và anh Trần Thành H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly